



THUẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



**NGHỊ ĐỊNH SỐ 310 /2025/NĐ-CP SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
125/2020/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM
2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI
PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ, HÓA ĐƠN**

Mở rộng và làm rõ khái niệm vi phạm hành chính về thuế

Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu (tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp) mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.



Bổ sung các trường hợp bất khả kháng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

Quy định các trường hợp bất khả kháng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn: Thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, chiến tranh, bạo loạn, đình công hoặc sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và người nộp thuế không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép



Bổ sung quy định về đối tượng bị xử phạt

Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghĩa vụ về thuế mà pháp luật về thuế, quản lý thuế quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của bên được ủy quyền phải thực hiện thay người nộp thuế thì nếu bên được ủy quyền có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân được ủy quyền bị xử phạt theo Nghị định này.



Bổ sung quy định về đối tượng bị xử phạt

Trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay người nộp thuế mà tổ chức, cá nhân đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có nghĩa vụ đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, đơn vị hợp thành được Tập đoàn giao trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 có hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.



Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn; thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15”;

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 a) Đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ; b) Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 quá thời hạn quy định.	Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 d) Không thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15.	Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Buộc nộp thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.
--	---	---

Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11

Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp sau đây:

- Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế thu nhập cá nhân chậm thay đổi thông tin theo thẻ căn cước, căn cước điện tử;
- Cơ quan chi trả thu nhập chậm thông báo thay đổi thông tin khi người nộp thuế thu nhập cá nhân là các cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân có thay đổi thông tin theo thẻ căn cước, căn cước điện tử;
- Không thông báo hoặc thông báo thay đổi thông tin trên hồ sơ đăng ký thuế về địa chỉ người nộp thuế quá thời hạn quy định do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Nghị quyết của Quốc hội.

Sửa đổi, bổ sung khoản 5

“5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.

Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế hoặc tổng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên các hồ sơ khai thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều này.”;

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 16

“c) Khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xác định là hành vi trốn thuế nhưng người nộp thuế vi phạm hành chính lần đầu về hành vi trốn thuế, đã khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt và cơ quan thuế đã lập biên bản ghi nhận để xác định là hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế;”.

Sửa đổi điểm a khoản 6

“a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;”.

Mức xử phạt	Hành vi vi phạm
Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng	- Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên.
Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng	- Cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế; - Cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế; - Cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tiền lương, tiền công hoặc thu nhập của người nộp thuế do mình nắm giữ theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế.
Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng	- Không cung cấp thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế; - Không cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế; - Không cung cấp thông tin liên quan đến tiền lương, tiền công hoặc thu nhập của người nộp thuế do mình nắm giữ theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế; - Thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế, trừ hành vi không trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế quy định tại Điều 18 Nghị định 125/2025/NĐ-CP.
Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	- Hành vi cho, bán hóa đơn

Sửa đổi, bổ sung Điều 19: Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan



Mức xử phạt	Hành vi vi phạm
Phạt cảnh cáo	- Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa 01 số hóa đơn.
500.000 đồng đến 1.500.000 đồng	- Hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ 01 số hóa đơn.
2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng	- Trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.
5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng	- Trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn.
15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	- Trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn.

Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật

30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

- Trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn.

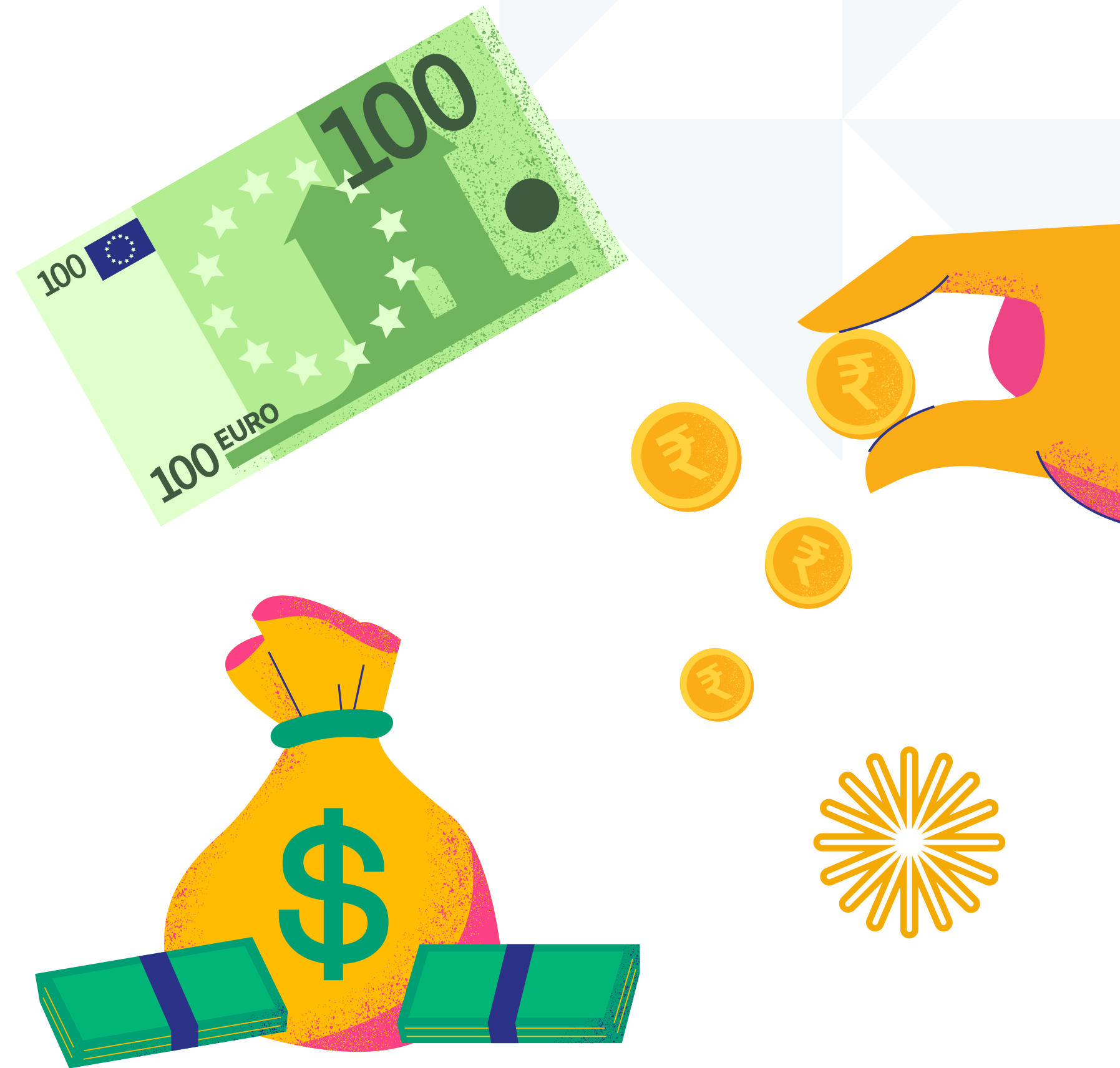
50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng

- Trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 100 số hóa đơn trở lên.



Mức xử phạt	Hành vi vi phạm
Phạt cảnh cáo	- Hành vi không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa 01 số hóa đơn.
1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng	- Trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định 01 số hóa đơn;
2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng	- Trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.
10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng	- Trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn.
30.000.000 đồng đến 50.000.000	- Trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn.
60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng	- Trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 50 số hóa đơn trở lên.

Hành vi không lập hóa đơn theo quy định



Điều khoản chuyển tiếp

- Nghị định 310/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 16/1/2026.
- Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó.
- Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đang được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực và hành vi vi phạm hành chính đó được phát hiện sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại Nghị định này.
- Đối với các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã bị xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.





TOÀN VĂN NGHỊ ĐỊNH SỐ 310/2025/NĐ-CP TẠI MÃ QR CODE